



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC
AVINA-IAFC AUDITING & ACCOUNTING TAX CONSULTANCY CO., LTD



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đã được kiểm toán

AVINAIAFC
professional & quality

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 24
4	Phụ lục Báo cáo tài chính từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/12/2018	
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động từ ngày 01/6/2018 đến 31/12/2018</i>	25
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/6/2018 đến 31/12/2018</i>	26
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01/6/2018 đến 31/12/2018</i>	27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần phân vi sinh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần phân vi sinh Quảng Trị là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18/12/008 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 08/7/2013, do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Trồng cây cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, mua bán xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp, cao su nguyên liệu, cao su sơ chế, phân vi sinh, bất hững mù các loại;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất trang phục;
- Khai thác, thu gom và chế biến than bùn;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng khai khoáng, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Nhà hàng ăn uống, dịch vụ phục vụ đồ uống, kinh doanh khách sạn;
- Tư vấn kỹ thuật chăm sóc cao su;
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Xuất khẩu lao động; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 01 ngày 08/7/2013 là 23.530.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 2.353.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Tri Khiêm	Chủ tịch hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 15/6/2018
Ông Nguyễn Chơn Biên	Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 15/6/2018
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 15/6/2018
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 15/6/2018
Ông Lê Văn Cường	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Phạm Công Lê Luận	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Mai Văn Tý	Thành viên hội đồng quản trị	

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Phương	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Phan Thị Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15/6/2018
Bà Hoàng Thị Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/6/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA - IAFC.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được

trình bày trong Báo cáo tài chính riêng và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Số: 021/2019/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần phân vi sinh Quảng Trị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần phân vi sinh Quảng Trị, được lập ngày 22/02/2019, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần phân vi sinh Quảng Trị tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**NGUYỄN QUỐC HÙNG****Giám đốc**

Giấy CNĐKHNKT số 0295-2018-146-1

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2019

ĐINH THẾ HÙNG**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHNKT số 1917-2018-146-1

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.345.114.673	17.684.021.514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.068.084.632	5.990.906.405
1. Tiền	111		6.068.084.632	5.990.906.405
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.652.365.215	1.389.628.066
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.390.223.040	1.361.244.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	262.142.175	28.384.066
IV. Hàng tồn kho	140		9.530.303.610	10.072.740.740
1. Hàng tồn kho	141	V.04	9.765.303.610	10.072.740.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(235.000.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		94.361.216	230.746.303
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	2.566.202	120.193.927
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.833.547	85.590.909
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		24.961.467	24.961.467
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.156.173.079	10.755.365.136
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.068.714.445	10.674.665.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	9.068.714.445	10.674.665.673
- Nguyên giá	222		21.845.866.927	21.845.866.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.777.152.482)	(11.171.201.254)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87.458.634	80.699.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	87.458.634	80.699.463
TỔNG TÀI SẢN	270		26.501.287.752	28.439.386.650

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊĐ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh
Quảng Trị**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		761.178.588	1.781.108.739
I. Nợ ngắn hạn	310		761.178.588	1.781.108.739
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	182.492.235	1.059.937.235
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	49.089.075	43.041.447
4. Phải trả người lao động	314		149.812.560	211.584.961
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.09	66.725.967	66.728.845
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		313.058.751	399.816.251
II. Nợ dài hạn	330		-	-
III. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.740.109.164	26.658.277.911
1. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	25.740.109.164	26.658.277.911
Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.530.000.000	23.530.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		23.530.000.000	23.530.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.087.432.356	3.019.022.870
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(877.323.192)	109.255.041
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.845.555	40.845.555
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(918.168.747)	68.409.486
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		26.501.287.752	28.439.386.650



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu Linh
Người lập

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.11	7.779.470.900	7.750.672.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.779.470.900	7.750.672.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.12	7.472.829.446	6.244.466.291
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		306.641.454	1.506.205.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13	324.092.189	247.716.396
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		285.834.928	310.523.028
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.415.503.953	1.376.978.128
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.070.605.238)	66.420.949
11. Thu nhập khác	31		240.603.854	19.090.909
12. Chi phí khác	32		88.167.363	-
13. Lợi nhuận khác	40		152.436.491	19.090.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(918.168.747)	85.511.858
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.15	-	17.102.372
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(918.168.747)	68.409.486
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.14	(390)	29
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(390)	29



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu Linh
Người lập

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊĐ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh
Quảng Trị**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	8.013.346.577	6.030.392.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(6.683.375.494)	(6.181.343.051)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(786.336.533)	(1.099.498.754)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	-	-
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(10.509.147)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	207.974.934	116.214.333
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(757.050.120)	(747.739.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.949.783)	(1.881.975.232)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3.			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. vị khác			
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	93.128.010	247.716.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	93.128.010	247.716.396
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	77.178.227	(1.634.258.836)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.990.906.405	7.625.165.241
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.068.084.632	5.990.906.405



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu Linh
Người lập

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh
Quảng Trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty cổ phần phân vi sinh Quảng Trị là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18/12/008 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 08/7/2013, do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Trồng cây cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, mua bán xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp, cao su nguyên liệu, cao su sơ chế, phân vi sinh, bát hứng mù các loại;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất trang phục;
- Khai thác, thu gom và chế biến than bùn;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng khai khoáng, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Nhà hàng ăn uống, dịch vụ phục vụ đồ uống, kinh doanh khách sạn;
- Tư vấn kỹ thuật chăm sóc cao su;
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Xuất khẩu lao động; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG***Chế độ kế toán áp dụng:***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính khi có sự sụt giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

7. GHI NHẬN DOANH THU*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh
Quảng Trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

8. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

10. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	119.147.029	85.623.589
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.948.937.603	5.905.282.816
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	6.068.084.632	5.990.906.405

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.390.223.040	1.361.244.000
- Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đường 9	646.265.000	475.500.000
- Công ty TNHH MTV Hợp Tác và phát triển Hoàng Gia	371.800.000	349.140.000
- Khách hàng khác	372.158.040	536.604.000

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	31.177.996	-	28.384.066	-
- Phải thu khác	8.099.825	-	8.099.825	-
- Tạm ứng	17.248.495	-	13.665.936	-
- Bảo hiểm xã hội	5.781.352	-	6.393.587	-
- Bảo hiểm y tế	28.160	-	155.574	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.164	-	69.144	-
Cộng	31.177.996	-	28.384.066	-

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.136.271.700	-	1.149.080.920	-
Chi phí SXKD dở dang	3.277.420.930	-	3.237.420.930	-
Thành phẩm	3.601.610.980	-	3.936.238.890	-
Hàng hóa	1.750.000.000	(235.000.000)	1.750.000.000	-
Cộng	9.765.303.610	(235.000.000)	10.072.740.740	-

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ
 Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh
 Quảng Trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	2.566.202	120.193.927
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.566.202	120.193.927
b. Dài hạn	87.458.634	80.699.463
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	87.458.634	80.699.463
Cộng	90.024.836	200.893.390

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	9.426.690.855	4.712.461.689	2.259.348.163	-	5.447.366.220	21.845.866.927
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.426.690.855	4.712.461.689	2.259.348.163	-	5.447.366.220	21.845.866.927
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	4.520.339.565	2.568.740.694	1.423.330.945	-	2.658.790.050	11.171.201.254
- Khấu hao trong năm	619.900.476	457.023.252	162.758.496	-	366.269.004	1.605.951.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.140.240.041	3.025.763.946	1.586.089.441	-	3.025.059.054	12.777.152.482
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	4.906.351.290	2.143.720.995	836.017.218	-	2.788.576.170	10.674.665.673
Số cuối năm	4.286.450.814	1.686.697.743	673.258.722	-	2.422.307.166	9.068.714.445

7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	182.492.235	182.492.235	87.067.235	87.067.235
- Phải trả người bán khác	182.492.235	182.492.235	87.067.235	87.067.235
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	972.870.000	972.870.000
- Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	-	-	972.870.000	972.870.000
Cộng	182.492.235	182.492.235	1.059.937.235	1.059.937.235

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
a. Thuế và các khoản phải nộp	43.041.447	60.887.682	54.840.054	49.089.075
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	49.089.075	-	49.089.075
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.509.147	-	10.509.147	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	32.532.300	-	32.532.300	-
- Các loại thuế khác	-	11.798.607	11.798.607	-
b. Thuế và các khoản phải thu	24.961.467	-	-	24.961.467
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	24.961.467	-	-	24.961.467

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ , PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	66.725.967	66.728.845
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.725.967	66.728.845
b) Dài hạn	-	-
Cộng	66.725.967	66.728.845

CÔNG TY CP PHẦN VI SINH QUẢNG TRỊ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

D/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	12.000.000.000	12.000.000.000
- Công ty CP QUASA-GERUCO	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty cổ phần Thiên Sinh	2.600.000.000	2.600.000.000
- Ông Lê Văn Cường	3.930.000.000	3.930.000.000
Cộng	23.530.000.000	23.530.000.000

10.3 CỔ PHIẾU

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.353.000	2.353.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.353.000	2.353.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.353.000	2.353.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu	7.779.470.900	7.750.672.000
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	7.779.470.900	7.750.672.000
Cộng	7.779.470.900	7.750.672.000

12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng bán	7.472.829.446	6.244.466.291
Cộng	7.472.829.446	6.244.466.291

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	324.092.189	247.716.396
Cộng	324.092.189	247.716.396

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(918.168.747)	68.409.486
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.353.000	2.353.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(390)	29

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(918.168.747)	85.511.858
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
- Các khoản chi phí (phạt)	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(918.168.747)	85.511.858
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	17.102.372

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Giá trị ghi sổ
	VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.068.084.632	5.990.906.405
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.652.365.215	1.389.628.066
Cộng	7.720.449.847	7.380.534.471
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	249.218.202	1.126.666.080
Cộng	249.218.202	1.126.666.080
Trạng thái ròng	7.471.231.645	6.253.868.391

14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(918.168.747)	68.409.486
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.353.000	2.353.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(390)	29
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(918.168.747)	85.511.858
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
- Các khoản chi phí (phạt)	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(918.168.747)	85.511.858
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	17.102.372

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Giá trị ghi sổ
	VND	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.068.084.632	5.990.906.405
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.652.365.215	1.389.628.066
Cộng	7.720.449.847	7.380.534.471
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	249.218.202	1.126.666.080
Cộng	249.218.202	1.126.666.080
Trạng thái ròng	7.471.231.645	6.253.868.391

Tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	249.218.202	-	249.218.202
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	249.218.202	-	249.218.202
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.126.666.080	-	1.126.666.080
Cộng	1.126.666.080	-	1.126.666.080

CÔNG TY CP PHẦN VI SINH QUẢNG TRỊ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.068.084.632	-	6.068.084.632
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.652.365.215	-	1.652.365.215
Cộng	7.720.449.847	-	7.720.449.847
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.990.906.405	-	5.990.906.405
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.389.628.066	-	1.389.628.066
Cộng	7.380.534.471	-	7.380.534.471

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

VII. THÔNG TIN KHÁC**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	Công ty mẹ	Doanh thu	4.440.219.500
		Thu tiền bán hàng	4.440.219.500

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

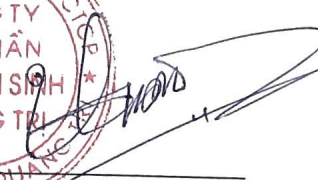
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin so sánh

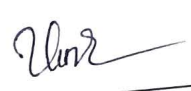
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC.




Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019


Hoàng Thị Thu Phương
Kế toán trưởng


Trần Thị Diệu Linh
Người lập

CÔNG TY CP PHẦN VI SINH QUẢNG TRỊ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

VIII. PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01/6/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/12/2018
		VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VIII.01	4.982.854.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.982.854.900
4. Giá vốn hàng bán	11 VIII.02	4.620.315.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	362.539.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VIII.03	269.760.037
7. Chi phí tài chính	22	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-
8. Chi phí bán hàng	25	226.201.583
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	862.165.381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(456.067.846)
11. Thu nhập khác	31	98.191.454
12. Chi phí khác	32	88.167.363
13. Lợi nhuận khác	40	10.024.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(446.043.755)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(446.043.755)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VIII.04	(190)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(190)



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu Linh
Người lập

CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	6.976.090.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(4.932.424.552)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(358.902.276)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	-
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	143.322.498
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(451.714.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.376.371.615
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.795.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	38.795.858
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền thu từ đi vay	33	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.415.167.473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.652.917.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.068.084.632



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu Linh
Người lập

CÔNG TY CP PHẦN VI SINH QUẢNG TRỊ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ NGÀY 01/6/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**VIII.01. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/6/2018 đến 31/12/2018 VND
a) Doanh thu	4.982.854.900
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	4.982.854.900
Cộng	4.982.854.900

VIII.02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/6/2018 đến 31/12/2018 VND
- Giá vốn hàng bán	4.620.315.819
Cộng	4.620.315.819

VIII.03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/6/2018 đến 31/12/2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	269.760.037
Cộng	269.760.037

VIII.04. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(446.043.755)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.353.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(190)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu Linh
Người lập